

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG



ĐỀ ÁN TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ
NĂM 2025

Khánh Hòa, tháng 01 năm 2025

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG.....	0
I. THÔNG TIN CHUNG	1
1.1. Giới thiệu về trường	1
1.2. Mã trường: TSN	1
1.3. Địa chỉ trụ sở của Trường.....	1
1.4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của trường	1
1.5. Đơn vị phụ trách tuyển sinh, số điện thoại liên hệ tuyển sinh.....	1
1.6. Danh mục các ngành đang được đào tạo	2
1.7. Kết quả tuyển sinh 5 năm gần nhất	2
1.8. Các điều kiện bảo đảm chất lượng	3
II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ	28
2.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển.....	28
2.2. Phương thức tuyển sinh	29
2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành	30
2.4. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.....	30
2.5. Hướng nghiên cứu đề xuất cho các ngành.....	30
2.6. Tổ chức tuyển sinh	40
2.7. Học phí và các chính sách hỗ trợ người học	40

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Danh mục các ngành đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Nha Trang	2
Bảng 2. Số lượng NCS trúng tuyển từ năm 2020 đến năm 2024	2
Bảng 3. Quy mô đào tạo trình độ tiến sĩ tính đến ngày 31/12/2024	3
Bảng 4. Thống kê phòng học, giảng đường và thiết bị hỗ trợ dạy - học	3
Bảng 5. Thống kê phòng thí nghiệm phục vụ các ngành đào tạo.....	5
Bảng 6. Thống kê giảng viên cơ hữu đủ điều kiện tham gia giảng dạy và hướng dẫn NCS	7
Bảng 7. Thống kê giảng viên thỉnh giảng cho các ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.....	11
Bảng 8. Thống kê đề tài, dự án hợp tác với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, doanh nghiệp trong và ngoài nước	12
Bảng 9. Thống kê các thỏa thuận giữa các đối tác nước ngoài với Trường ĐH Nha Trang.	26
Bảng 10. Chỉ tiêu tuyển sinh theo các ngành năm 2025	30
Bảng 11. Thống kê hướng nghiên cứu cho các ngành đào tạo tiến sĩ	30

Số: /ĐA-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2025

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TIỀN SĨ NĂM 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Giới thiệu về trường

Tên tiếng Việt: **Trường Đại học Nha Trang**

Tên tiếng Anh: **Nha Trang University**

Trường Đại học Nha Trang, trước 2006 là Trường Đại học Thủy sản, được thành lập năm 1959. Nhà trường có nhiệm vụ đào tạo cán bộ quản lý kinh tế kỹ thuật có trình độ đại học và sau đại học; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và cung cấp dịch vụ đa lĩnh vực phục vụ cộng đồng. Trải qua 65 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Nha Trang đã có nhiều đóng góp to lớn cho sự nghiệp nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực và bồi dưỡng nhân tài về các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, công nghệ cho cả nước và quốc tế, đặc biệt là lĩnh vực thủy, hải sản.

Sứ mạng

Nghiên cứu khoa học, đào tạo nhân lực trình độ cao và chuyển giao tri thức đa lĩnh vực, chú trọng phát huy thế mạnh lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản..

Giá trị cốt lõi

Tiên phong - Đoàn kết - Hội nhập - Năng động - Trách nhiệm

Triết lý giáo dục

Phát triển tính chuyên nghiệp, khả năng sáng tạo và ý thức trách nhiệm trong môi trường giáo dục hội nhập, gắn kết với thực tiễn nghề nghiệp và cộng đồng.

Tầm nhìn đến năm 2045

Đến năm 2045 là đại học có thứ hạng cao của Việt Nam; thuộc nhóm đầu các đại học ở Châu Á về một số ngành khoa học - công nghệ biển và thủy sản.

1.2. Mã trường: TSN

1.3. Địa chỉ trụ sở của Trường

Số 02, Nguyễn Đình Chiểu, phường Vĩnh Thọ, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3831149

Fax: 0258. 3831147

1.4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

Website của Trường ĐH Nha Trang: <http://www.ntu.edu.vn>

Website của Phòng Đào tạo Sau đại học: <https://pdtsaudaihoc.ntu.edu.vn>

1.5. Đơn vị phụ trách tuyển sinh, số điện thoại liên hệ tuyển sinh

Phòng Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Nha Trang

Số 02 đường Nguyễn Đình Chiểu, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa.

Điện thoại: (0258) 6262966

Email: saudaihoc@ntu.edu.vn

Fanpage của Phòng Đào tạo Sau đại học: <https://www.facebook.com/SaudaihocNTU>

1.6. Danh mục các ngành đang được đào tạo

Danh mục các ngành đào tạo được thể hiện trên Bảng 1.

Bảng 1. Danh mục các ngành đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường ĐH Nha Trang tuyển sinh năm 2025

STT	Tên ngành đào tạo	Mã số	Số Quyết định mở ngành	Ngày/tháng/năm ban hành
1	Khai thác thủy sản	9620304	3633/QĐ-BGDĐT	12/09/2012
2	Nuôi trồng thủy sản	9620301	3633/QĐ-BGDĐT	12/09/2012
3	Công nghệ thực phẩm	9540101	2506/QĐ-BGDĐT	01/09/2020
4	Kỹ thuật cơ khí động lực	9520116	3633/QĐ-BGDĐT	12/09/2012
5	Quản trị kinh doanh	9340101	2507/QĐ-BGDĐT	01/09/2020
6	Kỹ thuật cơ khí	9520103	1172/QĐ-BGDĐT	05/04/2021
7	Kinh tế và Quản lý tài nguyên Biển ¹	9310109	1322/QĐ-BGDĐT	19/04/2021
8	Công nghệ sinh học	9420201	1735/QĐ-BGDĐT	07/06/2021

1.7. Kết quả tuyển sinh 5 năm gần nhất

Kết quả tuyển sinh đào tạo tiến sĩ từ năm 2020 đến năm 2024 được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Số lượng NCS trúng tuyển từ năm 2020 đến năm 2024

TT	Ngành	Khóa				
		2020	2021	2022	2023	2024
1	Nuôi trồng thủy sản	3	1			2
2	Khai thác thủy sản					2
3	Kỹ thuật cơ khí động lực			1	1	
4	CN thực phẩm		1	1	1	1
5	Quản trị kinh doanh		2	1	1	8
6	Kỹ thuật cơ khí		1			1
7	Công nghệ sinh học		3	1	2	2
8	Kinh tế và Quản lý tài nguyên Biển			8		2
TỔNG		3	8	12	5	18

¹ Đào tạo 2 chương trình: tiếng Anh và tiếng Việt

1.8. Các điều kiện bảo đảm chất lượng

1.8.1. Quy mô đào tạo tính đến ngày 31/12/2024

Quy mô đào tạo (số người học) trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Nha Trang tính đến ngày 31/12/2024 được thể hiện ở Bảng 3.

Bảng 3. Quy mô đào tạo trình độ tiến sĩ tính đến ngày 31/12/2024

STT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Quy mô đào tạo (NCS)
1	Khai thác thủy sản	9620304	2
2	Nuôi trồng thủy sản	9620301	9
3	Công nghệ thực phẩm	9540101	4
4	Kỹ thuật cơ khí động lực	9520116	2
5	Quản trị kinh doanh	9340101	12
6	Công nghệ sinh học	9420201	8
7	Kỹ thuật cơ khí	9520103	2
8	Kinh tế và Quản lý tài nguyên Biển	9310109	9
TỔNG			48

1.8.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

a) Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ dạy - học

Thông kê phòng học, giảng đường và trang thiết bị hỗ trợ dạy và học được thể hiện trên Bảng 4.

Bảng 4. Thông kê phòng học, giảng đường và thiết bị hỗ trợ dạy - học

TT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị phục vụ dạy - học		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Phòng học, giảng đường	85	25.944	- Projector - Âm thanh (bộ)	85 85	Tất cả các học phần lý thuyết
2	Phòng học đa phương tiện	01	120	- Máy tính - Projector - Âm thanh (bộ) - Camera	40 01 01 02	Tất cả các học phần lý thuyết
3	Phòng học ngoại ngữ	01	220	Máy tính có trang bị âm thanh chuẩn	40	Phục vụ các học phần ngoại ngữ

4	Phòng máy tính	10	1.212	Máy tính cá nhân	1.300	Tất cả các học phần có thực hành mô phỏng/thao tác trực tiếp trên máy tính
5	Phòng mô phỏng	02	200	Hệ thống mô phỏng lái tàu, hệ thống mô phỏng đánh cá	1	Các học phần về điều động tàu, khai thác, quản lý tàu thuyền
6	Phòng thực hành, Phòng Bảo tàng ngư cụ	03	300	Các loại máy móc hàng hải, cơ khí, máy tàu thủy, các loại ngư cụ, dụng cụ chế tạo ngư cụ...	1	Các học phần có thực hành
7	Phòng thực hành chứng khoán ảo	01	60	- Projector - Máy tính cá nhân	1 40	Thực hành mô phỏng thị trường chứng khoán và các học phần kinh tế
8	Trung tâm thực hành nghiệp vụ du lịch	01		- Nhà hàng phục vụ điểm tâm, café.		Thực hành các nghiệp vụ lễ tân, pha chế

b) Thư viện

- Tổng diện tích thư viện: 10.000 m², trong đó diện tích phòng đọc: 4.000 m².
- Số chỗ ngồi: 1000.
- Phần mềm quản lý thư viện: 2 (VLAS: Quản lý tài liệu văn bản, KIPOS: quản lý Ebooks - Thư viện số).
- Thư viện số: Có.
- Thư viện kết nối với hệ thống thư viện các trường đại học phía Nam (VILASAL).
- Việc tra cứu thư viện thông qua Internet.
- Tài liệu số: 167.698 (Bài tạp chí, báo, ảnh, đa phương tiện, e-book, sách, giáo trình, bài giảng, khoá luận, luận văn, luận án, kết quả nghiên cứu khoa học)
- Tài liệu in: 23.646 (Bài tạp chí, báo, ảnh, sách, giáo trình, bài giảng, khoá luận, luận văn, luận án, kết quả nghiên cứu khoa học).
- Cơ sở dữ liệu: Wilson, ABSCO, Applied Acience & Technology, Abstracts, Aquatic Sciences and Fisheries Abstracts, Food Science and Technology Abstracts.

c) Phòng thí nghiệm/cơ sở nghiên cứu:

Phòng thí nghiệm, cơ sở nghiên cứu phục vụ đào tạo được thể hiện trên Bảng 5.

Bảng 5. Thống kê phòng thí nghiệm phục vụ các ngành đào tạo

TT	Tên phòng thí nghiệm	Năm đưa vào vận hành	Tổng giá trị đầu tư	Phục vụ các ngành
1	PTN Hóa sinh và phân tích kiểm nghiệm	2007 và 2009	600.309.000	- Công nghệ thực phẩm - Công nghệ sinh học - Nuôi trồng thủy sản
2	PTN Công nghệ cao	2007 và 2010	10.812.122.000	- Công nghệ thực phẩm - Công nghệ sinh học - Nuôi trồng thủy sản
3	PTN Công nghệ chế biến	2004	956.127.000	- Công nghệ thực phẩm
4	PTN Công nghệ thực phẩm	2005 và 2008	4.079.713.000	- Công nghệ thực phẩm
5	PTN Công nghệ sinh học	2007 và 2009	8.072.696.000	- Công nghệ thực phẩm - Công nghệ sinh học - Nuôi trồng thủy sản
6	PTN Chế phẩm sinh học	2013 và 2014	6.326.500.000	- Công nghệ thực phẩm - Công nghệ sinh học - Nuôi trồng thủy sản
7	PTN Dinh dưỡng và thức ăn	2007	15.120.000	- Nuôi trồng thủy sản
8	PTN Sinh lý – sinh thái	2007	810.670.000	- Nuôi trồng thủy sản
9	PTN Bệnh học thủy sản	2007	1.678.885.400	- Nuôi trồng thủy sản
10	Trung tâm nghiên cứu giống và dịch bệnh thủy sản	2006	501.363.500	- Nuôi trồng thủy sản
11	Viện NC nuôi trồng thủy sản	2009	3.299.182.398	- Nuôi trồng thủy sản
12	PTN Kỹ thuật lạnh	2004	1.401.196.000	- Kỹ thuật cơ khí - Công nghệ thực phẩm
13	PTN Kỹ thuật môi trường	2007, 2008, 2009	35.000.000	- Công nghệ thực phẩm - Công nghệ sinh học - Nuôi trồng thủy sản
14	PTN Môi trường	2007	598.660.900	- Công nghệ thực phẩm - Công nghệ sinh học - Nuôi trồng thủy sản
15	PTN Hóa	2010	1.866.113.000	- Công nghệ thực phẩm - Công nghệ sinh học - Nuôi trồng thủy sản

16	Viện nghiên cứu và chế tạo tàu thủy	2007 và 2008	8.233.158.750	- Kỹ thuật cơ khí động lực
17	Xưởng thực hành động lực	2007 và 2010	1.545.291.000	- Kỹ thuật cơ khí động lực - Kỹ thuật cơ khí - Khai thác thủy sản
18	Hệ thống mô phỏng lái tàu và đánh bắt thủy sản	2013	17.160.735.000	- Khai thác thủy sản
19	PTN Trang bị điện	2005	100.185.000	- Kỹ thuật cơ khí động lực - Kỹ thuật cơ khí - Khai thác thủy sản
20	PTN Cơ học	2005	309.629.000	- Kỹ thuật cơ khí động lực - Kỹ thuật cơ khí - Khai thác thủy sản
21	PTN trang bị điện động lực	2004	152.186.000	- Kỹ thuật cơ khí động lực - Kỹ thuật cơ khí - Khai thác thủy sản
22	PTN Vật liệu	2005	2.173.933.000	- Kỹ thuật cơ khí động lực - Kỹ thuật cơ khí - Khai thác thủy sản
23	PTN Kỹ thuật điện tử	2016	119.344.300	- Kỹ thuật cơ khí động lực - Kỹ thuật cơ khí - Khai thác thủy sản
24	PTN Số - Vi xử lý	2009	823.213.000	- Kỹ thuật cơ khí động lực - Kỹ thuật cơ khí - Khai thác thủy sản
25	PTN Đo lường và mạch điện	2005	305.803.600	- Kỹ thuật cơ khí động lực - Kỹ thuật cơ khí - Khai thác thủy sản
26	PTN Kỹ thuật đo	2005	236.829.000	- Kỹ thuật cơ khí động lực - Kỹ thuật cơ khí
27	PTN Cơ điện tử	2009	1.412.925.000	- Kỹ thuật cơ khí động lực - Kỹ thuật cơ khí
28	Xưởng cơ khí	2004-2010	5.170.547.000	- Kỹ thuật cơ khí động lực - Kỹ thuật cơ khí
29	Phòng máy CNC	2005	317.883.759	- Kỹ thuật cơ khí động lực - Kỹ thuật cơ khí
30	Phòng thực hành chứng khoán ảo	2004	1.221.000.000	- Quản trị kinh doanh
31	Trung tâm thực hành nghiệp vụ du lịch	2006	970.000.000	- Quản trị kinh doanh - Kinh tế và Quản lý tài nguyên biển

1.8.3. Danh sách giảng viên cơ hữu đủ điều kiện tham gia giảng dạy hoặc hướng dẫn nghiên cứu sinh theo các ngành

Danh sách giảng viên cơ hữu đủ điều kiện tham gia giảng dạy và hướng dẫn NCS theo các ngành được thể hiện trên Bảng 6.

Bảng 6. Thống kê giảng viên cơ hữu đủ điều kiện tham gia giảng dạy hoặc hướng dẫn NCS

TT	Họ và tên	Ngày/ tháng /năm sinh	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Tham gia ngành đào tạo
1	Nguyễn Thế Hân	05/09/83	PGS	Tiến sĩ	Sinh học biển ứng dụng	Công nghệ thực phẩm
2	Trần Thị Mỹ Hạnh	10/02/78		Tiến sĩ	Khoa học và Công nghệ thực phẩm	
3	Nguyễn Trọng Bách	17/07/77		Tiến sĩ	Hóa học, hóa lý Polime	
4	Huỳnh Nguyễn Duy Bảo	04/12/72	PGS	Tiến sĩ	Sinh học biển ứng dụng	
5	Đặng Trung Thành	13/05/81		Tiến sĩ	Khoa học thực phẩm	
6	Nguyễn Bảo	14/05/84		Tiến sĩ	Sinh học tế bào phân tử - môi trường biển	
7	Trần Văn Vương	19/06/78		Tiến sĩ	Công nghệ CB thủy sản	
8	Phạm Hồng Ngọc Thùy	10/05/82		Tiến sĩ	Khoa học thực phẩm	
9	Phạm Ngọc Minh Quỳnh	11/07/80		Tiến sĩ	Khoa học thực phẩm	
10	Ngô Thị Hoài Dương	08/02/72		Tiến sĩ	Công nghệ CB thủy sản	
11	Trang Sĩ Trung	22/07/71	GS	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	
12	Đỗ Lê Hữu Nam	22/11/83		Tiến sĩ	Công nghệ thịt cá, sữa và lạnh đông	
13	Lê Thị Tường	02/05/80		Tiến sĩ	Công nghệ CB Thủy sản	
14	Phan Thị Khánh Vinh	11/05/82		Tiến sĩ	Công nghệ thịt cá, sữa và lạnh đông	
15	Lưu Hồng Phúc	28/03/77		Tiến sĩ	An toàn vệ sinh thực phẩm	
16	Nguyễn Thuần Anh	30/06/69	PGS	Tiến sĩ	Độc chất học thực phẩm	
17	Nguyễn Thị Mỹ Hương	02/03/70	PGS	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	
18	Bùi Trần Nữ Thanh Việt	20/12/79		Tiến sĩ	Hóa học phân tử các hợp chất Polyme	
19	Trần Thị Hoàng Quyên	05/12/82		Tiến sĩ	Hóa sinh	

20	Trần Quang Ngọc	14/07/76		Tiến sĩ	Hóa học và hóa lý các hợp chất polymer	
21	Vũ Ngọc Bội	13/04/66	PGS	Tiến sĩ	Hóa sinh học	
22	Thái Văn Đức	19/07/74		Tiến sĩ	Công nghệ CB thủy sản	
23	Mai Thị Tuyết Nga	23/12/71	PGS	Tiến sĩ	Thực phẩm và dinh dưỡng	
24	Nguyễn Văn Tăng	09/09/79	PGS	Tiến sĩ	Khoa học và công nghệ thực phẩm	
25	Nguyễn Văn Minh	28/04/77	PGS	Tiến sĩ	Khoa học thực phẩm	
26	Nguyễn Thị Vân	18/03/81		Tiến sĩ	Khoa học sinh học biển ứng dụng	
27	Đặng Thị Thu Hương	30/10/77		Tiến sĩ	Khoa học thực phẩm	
28	Hà Thị Hải Yến	17/08/86		Tiến sĩ	Hóa kỹ thuật	
29	Phan Vĩnh Thịnh	12/08/82		Tiến sĩ	Hóa học	
30	Trần Thị Phương Anh	17/10/85		Tiến sĩ	Hóa học	
31	Nguyễn Văn Hòa	08/09/79	PGS	Tiến sĩ	Công nghệ và kỹ thuật hóa chất	
32	Phạm Thị Đan Phượng	28/03/76		Tiến sĩ	Công nghệ CB thủy sản	
33	Trần Thị Bích Thủy	29/10/81		Tiến sĩ	Khoa học và công nghệ thực phẩm	
34	Khổng Trung Thắng	28/12/72		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học
35	Phạm Thu Thủy	24/12/80		Tiến sĩ	Sinh học phân tử	
36	Đặng Thúy Bình	22/02/69	PGS	Tiến sĩ	Sinh học biển	
37	Phạm Thị Minh Hải	28/05/84		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	
38	Nguyễn Văn Duy	23/01/81	PGS	Tiến sĩ	Vi sinh vật học	
39	Phạm Thị Minh Thu	18/06/83		Tiến sĩ	Khoa học sinh học	
40	Trần Đức Phú	20/02/64		Tiến sĩ	Nuôi cá biển và nghề cá biển	Khai thác thủy sản
41	Nguyễn Trọng Lương	10/05/80	PGS	Tiến sĩ	Khai thác thủy sản	
42	Tô Văn Phương	09/07/85	PGS	Tiến sĩ	Kỹ thuật khai thác thủy sản	
43	Vũ Kế Nghiệp	19/10/76		Tiến sĩ	Khai thác thủy sản	
44	Nguyễn Lâm Anh	22/11/68		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản và nghề cá	
45	Nguyễn Quốc Khánh	18/11/79		Tiến sĩ	Khoa học và Công nghệ Thủy sản	
46	Nguyễn Phong Hải	06/11/75		Tiến sĩ	Khoa học sinh học dưới nước	
47	Nguyễn Y Vang	16/3/84		Tiến sĩ	Khoa học và Công nghệ Thủy sản	

48	Nguyễn Văn Nhuận	04/01/82		Tiến sĩ	Khai thác thủy sản	
49	Phạm Hồng Mạnh	20/10/75	PGS	Tiến sĩ	Kinh tế học	Kinh tế và quản lý tài nguyên biển
50	Nguyễn Thị Hiền	14/01/70		Tiến sĩ	Kinh tế học	
51	Nguyễn Văn Ngọc	17/12/70		Tiến sĩ	Kinh tế và quản lý kinh tế quốc dân	
52	Bùi Bích Xuân	27/02/76		Tiến sĩ	Kinh tế học	
53	Quách Thị Khánh Ngọc	05/12/77	PGS	Tiến sĩ	Kinh tế tài nguyên và môi trường	
54	Lê Kim Long	16/10/74	PGS	Tiến sĩ	Kinh tế và quản lý thủy sản	
55	Nguyễn Ngọc Duy	12/09/79		Tiến sĩ	Kinh tế học	
56	Lê Ngọc Hương	06/05/83		Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp	
57	Phạm Thế Anh	17/10/78		Tiến sĩ	Kinh tế	
58	Trần Doãn Hùng	18/12/76		Tiến sĩ	Khoa học vật liệu	Kỹ thuật cơ khí
59	Đặng Xuân Phương	08/01/75	PGS	Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí và tự động	
60	Nguyễn Văn Tường	30/12/71	PGS	Tiến sĩ	Chế tạo máy và thiết bị	
61	Nguyễn Hữu Thật	20/10/77		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí	
62	Ngô Quang Trọng	10/09/74		Tiến sĩ	Công nghệ chế tạo máy	
63	Vũ Ngọc Chiên	04/06/85		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí	
64	Nguyễn Thiên Chương	22/04/84		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử và khoa học máy tính	
65	Vũ Thị Nhài	07/10/88		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí	
66	Nguyễn Hữu Nghĩa	14/06/79		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí	
67	Lê Như Chính	05/09/78		Tiến sĩ	Kỹ thuật nhiệt	
68	Trần Thị Bảo Tiên	28/12/81		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí	
69	Nguyễn Văn Quyết	13/04/87		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí	
70	Dương Đình Hảo	02/01/86	PGS	Tiến sĩ	Công nghệ vật liệu	
71	Lê Nguyễn Anh Vũ	30/08/82		Tiến sĩ	Cơ khí	
72	Nguyễn Thắng Xiêm	17/03/81		Tiến sĩ	Khoa học vật liệu	
73	Quách Hoài Nam	02/12/74		Tiến sĩ	Kỹ thuật tàu thủy	Kỹ thuật cơ khí động lực
74	Huỳnh Lê Hồng Thái	31/07/81		Tiến sĩ	Kết cấu máy và thiết bị	
75	Hồ Đức Tuấn	01/01/71		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí động lực	
76	Nguyễn Thanh Tuấn	09/07/81	PGS	Tiến sĩ	Kết cấu máy và thiết bị ô tô	
77	Nguyễn Văn Thuận	01/05/80	PGS	Tiến sĩ	Cơ kỹ thuật	
78	Vũ Thăng Long	11/12/77		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí động lực	
79	Dương Tử Tiên	14/11/71		Tiến sĩ	Kỹ thuật tàu thủy	

80	Phạm Thanh Nhựt	26/11/77		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí và tự động	
81	Đỗ Văn Tá	03/04/89		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí và tự động	
82	Trần Hưng Trà	13/10/76	PGS	Tiến sĩ	Khoa học vật liệu	
83	Huỳnh Văn Vũ	24/08/75		Tiến sĩ	Kỹ thuật tàu thủy	
84	Đỗ Quang Thắng	08/06/87	PGS	Tiến sĩ	Kỹ thuật tàu thủy	
85	Trương Đắc Dũng	20/08/85		Tiến sĩ	Kỹ thuật tàu thủy	
86	Lê Minh Hoàng	08/11/81	PGS	Tiến sĩ	Thủy sản và hải dương học	Nuôi trồng thủy sản
87	Trương Thị Bích Hồng	02/09/81		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản	
88	Lục Minh Diệp	02/05/64		Tiến sĩ	Nuôi cá biển và nghề cá biển	
89	Phạm Đức Hùng	20/11/79	PGS	Tiến sĩ	Môi trường và nông nghiệp	
90	Ngô Văn Mạnh	02/10/78		Tiến sĩ	Nuôi thủy sản nước mặn, lợ	
91	Nguyễn Văn Minh	20/06/76		Tiến sĩ	Dinh dưỡng và sinh học phân tử	
92	Lương Công Trung	06/08/66		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản	
93	Lê Anh Tuấn	01/04/66		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản	
94	Phạm Quốc Hùng	20/06/74	GS	Tiến sĩ	Nuôi thủy sản nước mặn, lợ	
95	Trần Văn Phước	19/03/78		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản	
96	Trần Vĩ Hích	20/02/75		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản	
97	Đinh Văn Khương	16/11/81		Tiến sĩ	Sinh học (Sinh thái học môi trường)	
98	Phan Thị Xuân Hương	21/06/75		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
99	Nguyễn Thị Trâm Anh	02/01/69	PGS	Tiến sĩ	Kinh tế công nghiệp	
100	Nguyễn Thu Thủy	26/01/78		Tiến sĩ	Kinh doanh và quản lý	
101	Hà Việt Hùng	03/05/72		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	
102	Trần Thị Ái Cẩm	19/09/83		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	
103	Hồ Huy Tựu	12/08/71	PGS	Tiến sĩ	Marketing	
104	Võ Văn Diễn	20/07/82		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	
105	Nguyễn Hữu Khôi	06/11/84	PGS	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	
106	Lê Chí Công	18/12/80	PGS	Tiến sĩ	Quản lý kinh tế (kinh tế du lịch)	
107	Nguyễn Tiến Thông	21/04/74		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	

108	Nguyễn Thị Hồng Đào	29/09/83		Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế	
109	Nguyễn Thành Đạt	20/10/91		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	
110	Nguyễn Thành Cường	1971	PGS	Tiến sĩ	Tài chính	

1.6.4. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia vào giảng dạy hoặc hướng dẫn NCS theo các ngành được thể hiện ở Bảng 7.

Bảng 7. Thống kê giảng viên thỉnh giảng cho các ngành đào tạo trình độ tiến sĩ

TT	Họ và tên	Ngày/ tháng /năm sinh	Chức danh khoa học (GS, PGS)	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Tham gia ngành đào tạo
1	Hoàng Hoa Hồng	14/02/53		Tiến sĩ	Khai thác thủy sản	Khai thác thủy sản
2	Thái Văn Ngạn	04/04/43		Tiến sĩ	Khai thác thủy sản	
3	Phan Trọng Huyền	15/06/50		Tiến sĩ	Khai thác thủy sản	
4	Lê Xuân Tài	02/59		Tiến sĩ	Khai thác thủy sản	
5	Nguyễn Đức Sĩ	15/02/58		Tiến sĩ	Khai thác thủy sản	
6	Hoàng Văn Tính	04/12/56		Tiến sĩ	Khai thác thủy sản	
7	Nguyễn Long	01/10/47		Tiến sĩ	Khai thác thủy sản	
8	Nguyễn Văn Lục	09/06/52		Tiến sĩ	Ngư loại học	
9	Nguyễn Phi Toàn	14/09/75		Tiến sĩ	Khai thác thủy sản	
10	Đỗ Đình Minh	01/07/78		Tiến sĩ	Khai thác thủy sản	
11	Phan Đăng Liêm	06/09/79		Tiến sĩ	Khai thác thủy sản	
12	Phạm Hùng Thắng	12/10/55	PGS	Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật cơ khí
13	Nguyễn Quận	06/12/81	PGS	Tiến sĩ	CN Chế tạo máy	
14	Nguyễn Thị Kim Anh	21/03/62	PGS	Tiến sĩ	Kinh tế công nghiệp	Kinh tế và quản lý tài nguyên biển

15	Đỗ Thị Thanh Vinh	29/12/62	PGS	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
16	Đỗ Hữu Hoàng	06/01/69		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản	Nuôi trồng thủy sản
17	Nguyễn Tấn Sỹ	20/04/63		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản	
18	Huỳnh Minh Sang	20/10/73		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản	
19	Ngô Đăng Nghĩa	12/01/60	PGS	Tiến sĩ	Công nghệ sản phẩm từ thịt và cá	Công nghệ sinh học

1.8.5. Các dự án hợp tác với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, doanh nghiệp trong và ngoài nước trong 10 năm gần đây

Danh sách các đề tài, dự án hợp tác với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, doanh nghiệp trong và ngoài nước trong thời gian 10 năm gần đây được thể hiện ở Bảng 8.

Bảng 8. Thông kê đề tài, dự án hợp tác với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, doanh nghiệp trong và ngoài nước

TT	Tên dự án	Mục đích	Nhà tài trợ	Thời gian	Chi phí (USD)
1	Hợp tác với chương trình Fulbright Việt Nam (ĐSQ Hoa Kỳ ở Việt Nam)	Tập huấn nâng cao các kỹ năng cho các cán bộ và giáo viên của Trường	ĐSQ Hoa Kỳ ở Việt Nam	2011-nay	
2	Chương trình thực tập ngành nghề chuyên ngành đóng tàu với Trường Ulsan, Hàn Quốc	Liên kết đào tạo hệ đại học với 1 năm thực tập tại Ulsan	Trường ĐH Ulsan, Hàn Quốc	2011-nay	
3	Dự án VLIR	Nâng cao năng lực cho các trường đại học, viện nghiên cứu do Bỉ tài trợ.	ĐH Cần Thơ chủ trì, ĐH Nha Trang là thành viên	2012-2019	250.000 Euro/năm cho hoạt động của toàn Dự án
4	Chương trình đào tạo đại học song ngữ Việt – Pháp chuyên ngành Quản trị kinh doanh và Quản trị du lịch	Đào tạo hệ cử nhân chuyên ngành Quản trị kinh doanh và Quản trị du lịch. Sinh viên học bằng song ngữ Việt - Pháp	Tổ chức AUF và các Trường ĐH đối tác Pháp (ĐH Nouvelle Calédonie, ĐH Nantes, ĐH Perpignan, ĐH Toulon).	2013-nay	
5	Dự án “Di truyền học bảo tồn phục vụ cải thiện đa dạng	Đa dạng sinh học và nâng cao năng lực quản lý tài	Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ	2013-2017	206.800

	sinh học và tăng cường quản lý tài nguyên đối với sự thay đổi tại đồng bằng sông Mê Kông”.	nguyên vùng đồng bằng sông Mê Kông	(USAID) và Quỹ khoa học tự nhiên (NSF)		
6	Đánh giá nguy cơ nhiễm bệnh bằng công cụ tích hợp trong dây chuyền giá trị sản xuất thủy sản Châu Âu	Khảo sát tình hình nhiễm ký sinh trùng (KST) gây hại cho người trên cá tra và cá ba sa tại Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL)	EU tài trợ	2013-2016	51.000 Euro
7	Dự án “Ứng phó biến đổi khí hậu trong quản lý kinh tế, đa dạng sinh học và nuôi trồng thủy sản ở các nước Sri Lanka và Việt Nam”	Đào tạo Thạc sĩ quốc tế tại ĐHNT, đào tạo tiến sĩ và sau tiến sĩ tại Na Uy.	Chương trình Phát triển năng lực đào tạo sau đại học và nghiên cứu (NORHED) của Na Uy	2014-2018	18.000.000 NOK
8	Xây dựng mạng lưới nghiên cứu đa dạng nguồn gen sinh học vùng sông Mê Kông.	Bảo tồn đa dạng sinh học ở ĐBSCL	Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) và Quỹ khoa học tự nhiên (NSF)	2014-2017	90.736
9	Đánh giá tác động của du lịch sinh thái đến bảo tồn đa dạng sinh học và kinh tế cho cộng đồng địa phương tại khu bảo tồn biển Vịnh Nha Trang, Việt Nam.	Bảo tồn đa dạng sinh học và kinh tế cho cộng đồng địa phương	Trung tâm quản lý nguồn lợi thủy sinh vật (ICLARM), WORLD FISH, Philippines	2014-2016	28.000
10	Tác động của khu bảo tồn biển và bảo tồn rạn san hô đến con người – Nghiên cứu về cộng đồng ngư dân và khu bảo tồn biển ở miền Trung Việt Nam	Đánh giá tác động của khu bảo tồn biển và bảo tồn rạn san hô đến cộng đồng ngư dân ở miền Trung Việt Nam	Trung tâm quản lý nguồn lợi thủy sinh vật (ICLARM), WORLD FISH, Philippines	2015-2016	27.000
11	Nghiên cứu tạo nguyên liệu bao gói tự nhiên từ phế liệu thủy sản để tạo vi nang tiền tố vitamin A sử dụng trong	Nghiên cứu lựa chọn điều kiện thủy phân đầu cá ngừ nhằm thu dịch thủy phân thích hợp cho nuôi cấy sinh khối nấm men dùng để bao gói dầu gấc.	Quỹ Quốc tế cho Khoa học (IFS – International Foundation for Science) của Thủy Điện	2015-2016	10.815

	thực phẩm và thức ăn bổ sung.				
12	Chương trình trao đổi sinh viên với Đại học Quốc gia Pukyong Hàn Quốc	Trường PKNƯ gửi sinh viên sang tham gia học tập ngắn hạn về lĩnh vực văn hóa và phát triển hợp tác thủy sản	ĐH Quốc gia Pukyong Hàn Quốc	2015	
13	Dự án hợp tác giữa Trường Trường Đại học Nha Trang và Trường Đại học Jan Evangelista Purkyne in Usti nad Labem về việc trao đổi cán bộ, giảng viên, sinh viên giữa hai trường	Trao đổi cán bộ, giảng viên, sinh viên Viện CNSH, Khoa Xây dựng giữa hai trường	Chương trình Erasmus +	2015-2017	86.900 Euro
14	Chương trình cao học Thủy sản Nhiệt đới)	Trao đổi cán bộ, học viên cao học	ĐH Kagoshima (Nhật) và 5 trường thành viên (ĐH Sam Ratulangi, Indonesia; ĐH Visayas, Philipin; ĐH Kasetsart, Thái Lan; ĐH Terengganu, Malaysia)	2016-nay	
15	Dự án “Phát triển dự báo định hướng thị trường sáng tạo để tăng cường tính bền vững về kinh tế và sức cạnh tranh của thủy sản châu Âu trên thị trường địa phương và toàn cầu”	Tăng cường tính bền vững và cạnh tranh của thủy sản Châu Âu trên thị trường	MATIS, dự án EU	2015-2019	
16	Dự án WiseFeed “Nâng cao tính bền vững thức ăn thủy sản”	Nâng cao tính bền vững thức ăn thủy sản	ĐH Bergen, Na Uy, EU tài trợ	2015-2019	
17	Dự án “Vai trò của sự thích nghi nhiệt độ của giáp xác copepods với hiện tượng ấm lên toàn	Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu lên giáp xác copepods ở Việt Nam	Quỹ Khoa học Quốc tế của Thụy Điển (IFS)	2016-2018	11.600

	cầu trong tương tác với sự mất cân bằng của chúng với ô nhiễm môi trường và tạo độc?"				
18	Dự án nghiên cứu với Công ty TNHH Thực phẩm NISSIN, Nhật về nuôi tôm trong hệ thống biofloc	Nuôi tôm trong hệ thống biofloc	Công ty TNHH Thực phẩm NISSIN	2016-2018	22.870
19	Tổ chức hội thảo quốc tế ngành Công nghệ thực phẩm VBFoodNet2015	Trao đổi học thuật, công bố kết quả nghiên cứu, mở rộng hợp tác	VBFoodNet, Vlir-Bỉ, Đại Sứ quán Bỉ tại Việt Nam, ARES-CCD-Bỉ, TWAS-Ý	11/2015	30.000 Euro
20	Hợp tác nghiên cứu với Trường Đại học Nông nghiệp Trung Quốc	Hợp tác nghiên cứu, thiết kế mạng cảm biến không dây để giám sát nhiệt độ, tiêu hao năng lượng trong chuỗi cung ứng lạnh	Bộ KH&CN Việt Nam	2014-2017	105.380
21	Hợp tác nghiên cứu với Viện Nghiên cứu polyme Leibniz (IPF), Đức	Hợp tác nghiên cứu sản xuất các sản phẩm giá trị gia tăng từ phế liệu tôm để ứng dụng trong nông nghiệp	Bộ KH&CN Việt Nam	2014-2018	109.860
22	Chương trình hợp tác với AUF và các đối tác ĐH ở Pháp	Chương trình cử nhân song ngữ ngành Quản trị kinh doanh và Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành	Tổ chức Đại học Pháp ngữ (AUF)	6/2017-nay	
23	Dự án NORHED: Incorporating Climate Change into Ecosystem Approaches to Fisheries and Aquaculture Management in Sri Lanka and Vietnam	Strengthening education and research capacity in climate change and natural resource management in the two institutions in Vietnam and Sri Lanka. Chương trình đào tạo thạc sĩ "Quản lý hệ sinh thái biển và biến đổi khí hậu"	NORAD	9/2014-12/2019	
24	Dự án nghiên cứu với Công ty TNHH Thực phẩm NISSIN, Nhật về nuôi tôm trong hệ thống biofloc	Thực hiện các nghiên cứu thực nghiệm về nuôi tôm trogn hệ thống biofloc	Công ty TNHH Thực phẩm NISSIN	8/2016 - 3/2018	510.000.000 VNĐ

25	Dự án "Vai trò của sự thích nghi nhiệt độ của giáp xác copepods với hiện tượng ấm lên toàn cầu trong tương tác với sự mất cân bằng của chúng với ô nhiễm môi trường và tảo độc?"	- Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu lên giáp xác copepods ở Việt Nam	Quỹ Khoa học Quốc tế của Thụy Điển (IFS)	12-2016 - 12/2018	11.600
26	Dự án “Di truyền học tổng quan về lịch sử tự nhiên của các loài cá khai thác ở lưu vực sông Mekong” (PEER 3)	Xây dựng và củng cố mạng lưới, tăng cường năng lực nghiên cứu về các kỹ thuật di truyền hiện đại và các hoạt động tiếp cận cộng đồng ứng dụng trong bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý nguồn lợi tại khu vực hạ lưu sông Mekong (LMB)	Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID)	12/2017 - 12/2020	149.265
27	Dự án “Nâng cao năng lực đào tạo ngành thủy sản cho khu vực Đông Nam Á, hướng tới phát triển bền vững”	Cập nhật các chương trình đại học hiện có thông qua việc đưa một số môn học liên quan đến quản lý môi trường, nuôi trồng thủy sản, vào chương trình Xây dựng chương trình khung đào tạo thạc sĩ về quản lý môi trường trong các doanh nghiệp thủy sản. Phát triển các khóa học đào tạo từ xa trong lĩnh vực thủy sản Xây dựng mạng lưới giáo dục khu vực hoặc toàn cầu để phát triển đào tạo thủy sản	Ủy ban Châu Âu (EC)	12/2017- 12/2020	770.000 Euro, Trường ĐHNT là 1 trong 12 đối tác tham gia thực hiện dự án, kinh phí của ĐHNT là 28.100 Euro
28	Dự án “Tăng cường năng lực hệ thống giáo dục đại học Việt Nam nhằm hỗ trợ khả năng tìm kiếm việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp và phát triển kỹ năng khởi nghiệp.”	Hiện đại hóa các dịch vụ hỗ trợ nghề nghiệp sinh viên của 8 trường ĐH Việt Nam bằng cách xây dựng năng lực thể chế và con người trong kỹ năng khởi nghiệp và khả năng làm việc để họ có thể trở thành những cá nhân làm	Ủy ban Châu Âu (EC)	2017- 2021	976.309 Euro Trường ĐHNT là 1 trong 11 đối tác tham gia thực hiện, kinh phí của Trường

		việc hiệu quả và năng động.			là 49.646 Euro
29	Chương trình English Access Microscholarship (Chương trình Access)	Đây là chương trình học tiếng Anh miễn phí trong 2 năm dành cho các em học sinh 14-16 tuổi có hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng có thành tích học tập khá, giỏi và có đam mê học tiếng Anh.	Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ	2017-2019	28.999
30	Dự án TEAM-SIE «Hợp tác Giáo dục và Nghiên cứu thông qua Trao đổi học thuật, Hợp tác giữa các trường đại học và doanh nghiệp và Chương trình liên kết sau đại học về Phát triển Bền vững, Đổi mới sáng tạo và Tinh thần doanh nhân».	Phát triển một chương trình liên kết đào tạo sau đại học giữa các trường đại học Việt Nam và Anh Quốc về Phát triển bền vững, Đổi mới sáng tạo, và Tinh thần doanh nhân. Xây dựng hợp tác hiệu quả giữa trường đại học và doanh nghiệp, đặc biệt tại Việt Nam, dựa trên kinh nghiệm từ các trường đại học hàng đầu tại Anh Quốc. Triển khai các dự án chuyển giao công nghệ giữa Anh Quốc và Việt Nam nhằm giúp các doanh nghiệp đẩy nhanh và bắt kịp sự phát triển về công nghệ trên thế giới. Mở thêm cơ hội khởi nghiệp cho các doanh nhân trẻ Việt Nam.	Hội đồng Anh	09/2018-12/2019	60.000 Bảng
31	Dự án ClimeFish “Thiết lập khung quyết định nhằm đảm bảo sản xuất thủy sản bền vững ở Việt Nam dưới tác động của biến đổi của khí hậu”.	- Xác định các tác động chính của biến đổi khí hậu đối với hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản. - Tìm hiểu các chiến lược thích ứng với biến đổi khí hậu của ngư dân và người nuôi trồng thủy sản và kiểm định các hướng dẫn về kế hoạch quản lý do các chuyên gia từ Châu Âu tư vấn .	Trường ĐH Tromso, Na Uy	2017-2020	37.628 Euro

		- Đề xuất các gợi ý chính sách cho việc quản lý ngành khai thác và nuôi trồng thủy sản một cách bền vững dưới tác động của biến đổi khí hậu.			
32	Chương trình English Access Microscholarship (Chương trình Access)	Đây là chương trình học tiếng Anh miễn phí trong 2 năm dành cho các em học sinh 14-16 tuổi có hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng có thành tích học tập khá, giỏi và có đam mê học tiếng Anh.	Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ	2020-2021	48.328
33	Dự án «Đổi mới hệ thống Đào tạo nghề ở Việt Nam hướng tới phát triển bền vững.»	Kết quả mong đợi của Dự án VIETSKILL là phát triển các phương pháp dự báo nhu cầu về kỹ năng và năng lực trong một số chuỗi giá trị Việt Nam (trong lĩnh vực điện tử và chế biến thực phẩm) và phát triển các mô hình hợp tác thành công cho đào tạo nghề. bao gồm cả doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp địa phương, viện giáo dục và các bên liên quan khác.	Trường Kinh doanh Copenhagen, Đan Mạch	10/2020-10/2022	1.319.088 Krone Đan Mạch
34	Dự án «Quản lý nguồn lợi biển dựa vào hệ sinh thái» Ecosytem based management of coastal marine resources	Một chương trình đào tạo tiên sĩ về quản lý kinh tế và nguồn lợi biển được vận hành tại Trường Đại học Nha Trang	Cơ quan Hợp tác và Phát triển Na Uy (Norad)	2021-2026	18 triệu Nok, trong đó kinh phí của ĐHNT là 5 triệu Nok
35	Dự án Xây dựng Nền tảng Đào tạo An ninh Mạng Trực tuyến / Ngoại tuyến tại Trường Đại học Nha Trang	Xây dựng một phòng thí nghiệm phục vụ đào tạo an ninh mạng và tổ chức các khóa tập huấn, đào tạo an ninh mạng.	DUDU IT CO., LTD	2022-2025	1.000.000
36	Hợp tác nghiên cứu và phát triển – BioSO4	Hợp tác, hướng tới việc tích hợp công nghệ và gia tăng giá trị thông qua nghiên cứu và phát triển và các thử nghiệm trong phòng thí nghiệm đối với các chất dẻo sinh học	BioSO4 Oy, Finland	2022-2025	5.000

		(biopolyme) cụ thể gồm chitin và chitosan			
37	Dự án Quản lý và Phục hồi rừng ngập mặn ở phía bắc tỉnh Khánh Hòa - Hướng tới cảnh quan bền vững (Management and restoration mangrove forests in the north of Khanh Hoa Province - Toward sustainable landscape)	Thực hiện các hoạt động: trồng rừng, bảo tồn, phục hồi rừng và tránh phá rừng; khảo sát thực địa; xây dựng cơ sở dữ liệu về trữ lượng các-bon và phát thải nhà kính hỗ trợ cung cấp cây giống và hỗ trợ kỹ thuật cho chính quyền địa phương trong việc quản lý 50ha, bảo vệ hai khu bảo tồn và 10ha trồng rừng; tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo cho chính quyền địa phương, cộng đồng, tổ chức Phi chính phủ, trường học và khu vực tư nhân để cung cấp và hỗ trợ kỹ thuật, báo cáo kết quả khảo sát, đề xuất và thực hiện các quy định nhằm giảm phát thải khí nhà kính.	Lãnh sự quán Hoa Kỳ	10/2022-10/2024	106.200 trong đó kinh phí của ĐHNT là 6.200
38	Đề tài: Nghiên cứu thử nghiệm ngư cụ khai thác mực bằng câu vàng	Nghiên cứu thử nghiệm ngư cụ khai thác mực bằng câu vàng	Tỉnh Bến Tre	2013-2015	26.500
39	Đề tài: Nghiên cứu xây dựng mô hình chà - rạn nhân tạo nhằm khai thác bền vững và bảo vệ NLTS ven bờ tỉnh Quảng Nam	Xây dựng mô hình chà - rạn nhân tạo nhằm bảo vệ NLTS và khai thác NLTS	Tỉnh Quảng Nam	2013-2015	45.455
40	Dự án SXTN: Hoàn thiện và chuyển giao công nghệ nghề lưới rê hỗn hợp cho đội tàu lưới rê khơi tỉnh Khánh Hòa	Hoàn thiện công nghệ khai thác hải sản bằng lưới rê hỗn hợp	Tỉnh Khánh Hòa	2013-2014	137.456
41	Đề tài: Nghiên cứu ứng dụng đèn LED cho nghề lưới vây xa bờ tại tỉnh Ninh Thuận.	Nghiên cứu thử nghiệm đèn LED tập trung cá để đánh bắt cho nghề lưới vây	Tỉnh Ninh Thuận	2013-2014	40.500

42	Đề tài: Nghiên cứu hỗ trợ chuyển giao nghề lưới rê hỗn hợp khai thác vùng biển khơi tỉnh Quảng Nam	Nghiên cứu cải tiến lưới rê hỗn hợp khai thác hải sản	Tỉnh Quảng Nam	2013-2015	71.905
43	Đề tài: Nghiên cứu xây dựng rạn nhân tạo tại vịnh Nha Trang nhằm bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản	Xây dựng mô hình chà - rạn nhân tạo nhằm bảo vệ NLTS và khai thác NLTS	Tỉnh Khánh Hòa	2013-2015	45.040
44	Đề tài: Nghiên cứu ứng dụng nghề câu vàng khai thác mực tầng đáy ở tỉnh Quảng Nam	Nghiên cứu ứng dụng câu vàng khai thác mực	Tỉnh Quảng Nam	2014-2015	35.455
45	Đề tài: Nghiên cứu ứng dụng điện Mặt trời trên tàu lưới vây tỉnh Quảng Nam	Nghiên cứu ứng dụng điện mặt trời phục vụ thiết bị hàng hải và chiếu sáng tập trung cá	Tỉnh Quảng Nam	2014-2016	48.736
46	Dự án SXTN: Hoàn thiện và chuyển giao công nghệ khai thác mực bằng câu vàng tầng đáy vùng ven biển Khánh Hòa	Hoàn thiện công nghệ khai thác mực bằng câu vàng	Tỉnh Khánh Hòa	2014-2015	94.166
47	Dự án SXTN: Hoàn thiện quy trình sản xuất hệ thống lưới đăng khai thác cá thu ở vùng biển Khánh Hòa	Hoàn thiện quy trình công nghệ khai thác hải sản bằng lưới đăng	Bộ GD&ĐT	2015-2016	64.220
48	Dự án: Đánh giá hiệu quả sử dụng hầm bảo quản sản phẩm trên tàu cá bằng vật liệu Polyurethane (PU) ở tỉnh Sóc Trăng	Ứng dụng vật liệu PU để xây dựng hầm bảo quản sản phẩm trên tàu cá	Tỉnh Sóc Trăng	2015-2017	65.172
49	Dự án: Xây dựng mô hình sơ chế kết hợp sử dụng hầm ngâm hạ nhiệt nhanh và bảo quản	Ứng dụng vật liệu PU để xây dựng hầm bảo quản sản phẩm trên tàu cá	Bộ NN&PTNT	2015-2017	240.364

	trên các tàu khai thác hải sản xa bờ.				
50	Thiết kế lưới rê hỗn hợp cải tiến khai thác vùng biển khơi tỉnh Bình Định	Thiết kế lưới rê hỗn hợp cho đội tàu 67 tỉnh Bình Định	Trường ĐH Nha Trang	2015	-
51	Thiết kế lưới vây kết hợp ánh sáng – chà nhân tạo khai thác vùng biển khơi tỉnh Bình Định	Thiết kế lưới vây cho tàu sử dụng ánh sáng và chà nhân tạo	Trường ĐH Nha Trang	2015	-
52	Thiết kế lưới vây khai thác vùng biển khơi tỉnh Bình Định	Thiết kế lưới vây cho đội tàu hoạt động xa bờ	Trường ĐH Nha Trang	2015	-
53	Thiết kế lưới chụp khai thác ở vùng biển khơi tỉnh Bình Định	ThS. Nguyễn Trọng Thảo	Trường ĐH Nha Trang	2015	-
54	Đề tài: Nghiên cứu xây dựng cơ sở khoa học và giải pháp khai thác hợp lý, bảo vệ nguồn lợi hải sản vùng biển Quảng Nam và lân cận.	Thiết kế lưới chụp cho đội tàu hoạt động xa bờ	Nhà nước	2016-2019	285.682
55	Đề tài: Công nghệ khai thác cá ngừ đại dương (công nghệ câu cá ngừ và câu nghệ bảo quản cá ngừ)	Nghiên cứu ứng dụng máy tạo xung làm tê liệt cá ngừ đại dương và hầm bảo quản sản phẩm nhằm giảm tổn thất chất lượng sau thu hoạch	Tỉnh Khánh Hòa	2017-2020	102.761
56	Đề tài: Nghiên cứu ứng dụng đèn LED cho nghề lưới vây xa bờ tại tỉnh Khánh Hòa	Nghiên cứu ứng dụng đèn LED nhằm giảm chi phí nhiên liệu	Tỉnh Khánh Hòa	2017-2018	157.754
57	Dự án: Quy hoạch chi tiết vùng nuôi trồng thủy sản lồng bè trên vịnh Nha Trang đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035	Quy hoạch vùng nuôi trồng thủy sản tại vịnh Nha Trang	Phòng Kinh tế - TP Nha Trang	2018-2019	-

58	Dự án: Sắp xếp, giao mặt nước nuôi trồng thủy sản bằng lồng, bè trên địa bàn thị xã Sông Cầu – tỉnh Phú Yên	Sắp xếp nghề nuôi trồng thủy sản bằng lồng bè tại địa bàn huyện Sông Cầu	Tỉnh Phú Yên	2018-2019	36.897
59	Tư vấn lập Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản tỉnh Quảng Bình đến năm 2020	Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản tỉnh Quảng Bình	Chi cục Thủy sản Quảng Bình	2018	17.768
60	Dự án: Ứng dụng giải pháp công nghệ mới về khai thác và bảo quản sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của đội tàu khai thác hải sản xa bờ	Ứng dụng giải pháp công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả đội tàu hoạt động xa bờ	Bộ NN&PTNT	2018-2020	295.455
61	Đề tài: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ VMS trong công tác quản lý tàu thuyền khai thác thủy sản tỉnh Khánh Hòa	Ứng dụng hệ thống VMS trong công tác quản lý đội tàu hoạt động khai thác hải sản	Trường ĐH Nha Trang	2018-2019	2.273
62	Tư vấn độc lập về "Việc sử dụng và hiệu quả của lưới câu dạng chữ C (The Using and Effectiveness of C-Hooks)" cho WWF-Việt Nam.	Ứng dụng lưới câu vòng - C để đánh bắt cá ngừ	WWF-Việt Nam	2018-2019	-
63	Dự án: Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia Vật liệu ngư cụ - Yêu cầu chất lượng.	Xây dựng TCVN về vật liệu ngư cụ phục vụ công tác quản lý	Bộ NN&PTNT	2019-2020	9.091
64	Đề tài: Đánh giá hiện trạng và đề xuất hệ thống giám sát tàu cá VMS khai thác xa bờ tỉnh Khánh Hòa, Bình	Nghiên cứu và đề xuất giải pháp giám sát đội tàu hoạt động khai thác	Bộ GD&ĐT	2019-2021	11.364

	Định và Quảng Nam				
65	Đề án “Khai thác mặt nước đầm Lập An, thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2020 - 2030”,	Quy hoạch vùng nuôi trồng thủy sản đầm Lập An	Huyện Phú Lộc - TT Huế	2019-2020	-
66	Đề tài: Nghiên cứu tác động của nghề khai thác thủy sản bằng lồng dây và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp cho khu vực Nam Trung Bộ	Nghiên cứu cải tiến lồng xếp nhằm bảo vệ nguồn lợi thủy sản	Bộ GD&ĐT	2020-2021	11.364
67	Đề tài: Nghiên cứu ảnh hưởng của xâm nhập mặn đến nuôi cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i> Sauvage, 1878) tại Sóc Trăng.	Nghiên cứu tác động của xâm nhập mặn đến nghề nuôi cá tra	Bộ GD&ĐT	2020-2021	11.364
68	Ứng dụng công nghệ lồng lưới vây	Nghiên cứu cải tiến lưới vây và thiết bị khai thác cho nghề lồng lưới vây tại Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	2019-2022	-
69	Nghiên cứu cơ sở khoa học nhằm xác định hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản ở vùng biển Ninh Thuận đến năm 2030	Đánh giá nguồn lợi thủy sản và xác định hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản	Tỉnh Ninh Thuận	2022-2023	100.176
70	Khóa đào tạo chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (IUU) lên quan đến theo dõi, kiểm soát và giám sát (MCS) và chương trình trao đổi cán bộ	Đào tạo cán bộ về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (IUU)	Bộ Nông - Lâm - Thủy sản Australia	2023-2026	3.072.140
71	Hợp tác giữa các trường thành viên –	Quyết định về việc ban hành thỏa thuận hợp tác	Hiệp hội các trường Đại học,	10/2024	

	Câu lạc bộ khối đào tạo Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản	giữa các trường thành viên – Câu lạc bộ khối đào tạo Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản	cao đẳng Việt Nam		
72	Nghiên cứu ảnh hưởng của hiện tượng ấm lên toàn cầu, axit hóa đại dương và hiếm khí tới ấu trùng ốc nhảy (<i>Strombus canarium</i> Linnaeus, 1758)	Xác định được ảnh hưởng của hiện tượng ấm lên toàn cầu, axit hóa đại dương và hiếm khí tới ấu trùng ốc nhảy (<i>Strombus canarium</i> Linnaeus, 1758)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2024 - 2025	670 trđ
73	Đánh giá ảnh hưởng của protein thủy phân từ động vật biển lên đáp ứng sinh trưởng, sinh lý và miễn dịch của cá bẹ vầu (<i>Caranx ignobilis</i>) giai đoạn giống	Đánh giá được ảnh hưởng của protein thủy phân từ động vật biển lên đáp ứng sinh trưởng, sinh lý và miễn dịch của cá bẹ vầu (<i>Caranx ignobilis</i>) giai đoạn giống	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2024 - 2025	600 trđ
74	Nghiên cứu tương tác của nhiệt độ cực đoan (sóng nhiệt – heatwave), ô nhiễm môi trường và sự suy giảm oxy đến các thể hệ của loài Copepoda nhiệt đới trong bối cảnh biến đổi khí hậu	Xác định được tương tác của nhiệt độ cực đoan (sóng nhiệt – heatwave), ô nhiễm môi trường và sự suy giảm oxy đến các thể hệ của loài Copepoda nhiệt đới trong bối cảnh biến đổi khí hậu	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2024 - 2025	670 trđ
75	Nghiên cứu nuôi cá chim vây vàng (<i>Trachinotus blochii</i>) thương phẩm phù hợp với điều kiện tại tỉnh Trà Vinh	Xây dựng được kỹ thuật nuôi cá chim vây vàng (<i>Trachinotus blochii</i>) thương phẩm phù hợp với điều kiện tại tỉnh Trà Vinh	Tỉnh Trà Vinh	2023 - 2025	2.033
76	Quan hệ giữa hàm lượng hormone steroid huyết tương và chu kỳ phát triển tuyến sinh dục cá bẹ đưng (<i>Gnathanodon speciosus</i>)	Xác định được mối quan hệ giữa hàm lượng hormone steroid huyết tương và chu kỳ phát triển tuyến sinh dục cá bẹ đưng (<i>Gnathanodon speciosus</i>)	Quỹ Nafosted	2023 - 2026	900

77	Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen cá thòi lòi (<i>Periophthalmodon schlosseri</i> Pallas, 1770) tại Cà Mau	Đánh giá, khai thác và phát triển nguồn gen cá thòi lòi (<i>Periophthalmodon schlosseri</i> Pallas, 1770) tại Cà Mau	Bộ KHCN	2023 - 2025	4.150
78	Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất giống nhân tạo và nuôi thương phẩm cá Tai bò tại Khánh Hòa	Xây dựng được quy trình sản xuất giống nhân tạo và nuôi thương phẩm cá Tai bò tại Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	2022 - 2025	1.238
79	Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất giống và thử nghiệm nuôi thương phẩm cá hồng đỏ (<i>Lutjanus malabaricus</i> Bloch & Schneider, 1801) tại KHÁNH HÒA	Xây dựng được quy trình sản xuất giống và thử nghiệm nuôi thương phẩm cá hồng đỏ (<i>Lutjanus malabaricus</i> Bloch & Schneider, 1801) tại KHÁNH HÒA	Tỉnh Khánh Hòa	2022 - 2025	1.322
80	Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất giống cá bẹ vầu (<i>Caranx ignobilis</i> Forsskål, 1775) tại khu vực Nam Trung Bộ	Xây dựng được quy trình sản xuất giống cá bẹ vầu (<i>Caranx ignobilis</i> Forsskål, 1775) tại khu vực Nam Trung Bộ	Bộ Giáo dục và đào tạo	2022 - 2024	800
81	Xây dựng quy trình nuôi thương phẩm cá bẹ vầu trong lồng trên biển (<i>Caranx ignobilis</i> Forsskål, 1775) bằng thức ăn công nghiệp tại khu vực Nam Trung Bộ	Xây dựng được quy trình nuôi thương phẩm cá bẹ vầu trong lồng trên biển (<i>Caranx ignobilis</i> Forsskål, 1775) bằng thức ăn công nghiệp tại khu vực Nam Trung Bộ	Bộ Giáo dục và đào tạo	2022 - 2024	700
82	Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu lên khả năng tồn thương của sản xuất giống cá chẽm (<i>Lates calcarifer</i>)	Mục đích của nghiên cứu này là nhằm đánh giá mức độ tổn thương của sản xuất giống cá chẽm (<i>Lates calcarifer</i>) thông qua chất lượng của ấu trùng và con	Quỹ NAFOSTED	2024 - 2027	1.194

	với đa nhân tố ức chế	giống như các thông số sinh lý và miễn dịch trong điều kiện nhiệt độ cực đoan kết hợp với tình trạng thiếu oxy, độ mặn thấp, độc tính của đồng và amoniac trong điều kiện biến đổi khí hậu.			
--	-----------------------	---	--	--	--

1.8.6. Các đối tác nước ngoài có thỏa thuận trao đổi sinh viên với Nhà trường trong 10 năm gần đây

Các thỏa thuận hợp tác trong việc trao đổi sinh viên, học viên, NCS giữa các đối tác nước ngoài với Trường Đại học Nha Trang được thể hiện ở Bảng 9.

Bảng 9. Thống kê các thỏa thuận giữa các đối tác nước ngoài với Trường ĐH Nha Trang.

TT	Tên đối tác	Ký lần 1	Ký lần 2	Ký lần 3	Ký lần 4
1.	ĐH Southern Cross, Úc	9/2016			
2.	Hiệp hội giáo dục tiếng Nhật dành cho các quốc gia không sử dụng chữ Hán (JLAN)	6/2016			
3.	L'Universite De Perpignan Via Domitia, Pháp	5/2016			
4.	Khoa Thủy sản, ĐH Tromsø (hợp tác trao đổi sinh viên)	4/2016			
5.	Master Program on Tropical Fisheries with International Linkage (ILP) and NTU (ĐHNT là thành viên thứ 6)	2/2016			
6.	ĐH Kagoshima, Nhật	7/2015	2/2016	6/2021	
7.	VLIR Vietnam Network (5 trường, viện)	3/2015			
8.	Đại học New Caledonia (thuộc Pháp)	2/2011	10/2016		
9.	ĐH Jan EvangelistaPurkyne (UJEP), CH Séc (Thỏa thuận trao đổi sinh viên)	9/2009	4/2011	2/2015	
10.	Đại học KH & CN Quốc gia Penghu, Đài Loan	3/2016			
11.	Viện Nguồn lợi Thủy sản Quốc gia Đan Mạch	3/2017			
12.	Western Michigan University, Hoa Kỳ	1/2017			
13.	La Rochelle Business School, Pháp	11/2016			

14.	Fisheries and Marine Institute Memorial University of Newfoundland, Canada	10/2016			
15.	Trường Kinh doanh Geneva, Thụy Sĩ	9/2016			
16.	ĐH Rhode Island, Hoa Kỳ	3/2016	9/2021		
17.	Phòng Thương mại Châu Á	2/2016			
18.	ĐH Vũ Hán, TQ	1/2016			
19.	Viện Công nghệ Kanagawa, Nhật	12/2015			
20.	ĐH Texas A&M Corpus Christi, Hoa Kỳ	11/2015			
21.	Hiệp hội Le Liseron de France	6/2015			
22.	Ứng dụng công nghệ nghề lưới vây tại Khánh Hòa	2020			
23.	Nghiên cứu cải tiến nghề chụp cá tại Khánh Hòa	2020			
24.	Ứng dụng công nghệ nghề lưới vây tại Quảng Nam	2020			
25.	Đại học Western Michigan, Mỹ	1/2017			
26.	ĐH Ngoại ngữ Busan, Hàn Quốc	6/2017			
27.	ĐH Ohio, Mỹ	7/2017			
28.	ĐH Kỹ thuật Bang Kaliningrad, LB Nga	3/2019			
29.	Đại học Srinakharinwirot, Thái Lan	8/2019			
30.	Đại học Nông nghiệp Bogor, Indonesia	8/2019			
31.	Đại học Meiho, Đài Loan	8/2019			
32.	Đại học Mercu Buana, Indonesia	1/2020			
33.	Đại học Sư phạm Quảng Tây, Trung Quốc	2/2020			
34.	Đại học Cassino and Southern Lazio, Italia	2/2020			
35.	Đại học Pukyong, Hàn Quốc	12/2019			
36.	Đại học Iceland	3/2020			
37.	Alfred Nobel Open Business School, Hongkong	3/2020			
38.	Đại học Quốc gia Chiayi, Đài Loan	5/2020			
39.	Đại học Feng Chia, Đài Loan	5/2020			
40.	Đại học Quốc gia Pingtung, Đài Loan	5/2020			
41.	Đại học Wufeng, Đài Loan	6/2020			

42.	Trường Đại học Pháp ngữ chuyên về Quản trị và Quản lý - ESFAM(Bulgaria)	7/2020			
43.	Đại học Quốc gia Chi Nan, Đài Loan	8/2020			
44.	Trường Đại học Khon Kaen, Thái Lan	11/2020			
45.	Đại học Wolverhampton, United Kingdom (TUNASIA)	8/2020			
46.	Trường Đại học Maejo, Thái Lan (TUNASIA)	10/2020			
47.	Đại học bang Polotsk, Belarus	7/2021			
48.	Đại học Quốc tế INTI, Malaysia	10/2021			
49.	Đại học Halmstad, Thụy Điển	10/2021			
50.	Đại học Chang Gung, Đài Loan	10/2021			
51.	Đại học Padjadjaran, Indonesia	11/2021			
52.	Đại học Yuan Ze, Đài Loan	4/2022			
53.	Học viện giáo dục đại học Karpagam, Ấn Độ	7/2022			

1.8.7. Kiểm định chất lượng

Trường ĐH Nha Trang đã đạt tiêu chuẩn kiểm định Trường lần 3 tháng 7/2023.

Trường ĐH Nha Trang đạt chuẩn UPM 5* tháng 7/2024.

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

2.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

2.1.1. Đối tượng tuyển sinh

- Công dân Việt Nam và người nước ngoài thỏa các điều kiện quy định tại mục 2.1.2 văn bản này.

- Việc quản lý người nước ngoài học tại Việt Nam sẽ được thực hiện theo Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam.

2.1.2. Điều kiện dự tuyển

1. Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;

b) Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian

công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

d) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II (Ban hành kèm theo Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) còn hiệu lực đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

3. Người học là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đăng ký dự tuyển các chương trình có hỗ trợ học bổng hoặc chi phí nghiên cứu hoặc các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh có thể được yêu cầu năng lực ngoại ngữ cao hơn quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 theo quy định của Ban chủ nhiệm chương trình của từng ngành đào tạo được công bố trong Đề án tuyển sinh.

Ngành Kinh tế và Quản lý tài nguyên biển (đào tạo bằng tiếng Anh) đạt Chứng chỉ IELTS từ 6.0 trở lên hoặc tương đương do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận còn hiệu lực đến ngày đăng ký dự tuyển.

4. Việc xét tuyển người nước ngoài làm nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Nha Trang được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2. Phương thức tuyển sinh

Tuyển sinh theo phương thức xét tuyển theo các điều kiện sau:

- Bản sao (có công chứng) bằng tốt nghiệp và bằng điểm đại học, thạc sĩ, kèm theo bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp.

- Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 của Quy chế tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Nha Trang.

- Dự thảo đề cương nghiên cứu (theo mẫu đăng trên trang thông tin điện tử của ĐHNT/ĐTSDH); Thí sinh được đề xuất tối đa 02 người hướng dẫn, tiêu chuẩn người hướng dẫn nghiên cứu sinh theo Điều 40 Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Nha Trang.

- Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

- Công văn hoặc Quyết định cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng viên chức, người lao động (*nếu người dự tuyển là công chức, viên chức*).

- Các tài liệu liên quan khác được quy định chi tiết trong thông báo tuyển sinh hàng năm do Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang quyết định.

2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành

Chỉ tiêu tuyển sinh theo các ngành đào tạo tiến sĩ tại Trường Đại học Nha Trang được thể hiện trên Bảng 10.

Bảng 10. Chỉ tiêu tuyển sinh theo các ngành năm 2025

STT	Ngành	Mã số	Chỉ tiêu tuyển sinh	Ghi chú
1	Khai thác thủy sản	9620304	5	
2	Nuôi trồng thủy sản	9620301	8	Có tuyển sinh theo đề án 89
3	Công nghệ thực phẩm	9540101	5	
4	Kỹ thuật cơ khí động lực	9520116	5	
5	Quản trị kinh doanh	9340101	12	
6	Công nghệ sinh học	9420201	8	
7	Kỹ thuật cơ khí	9520103	5	
8	Kinh tế và Quản lý tài nguyên Biển	9310109	8	Đào tạo bằng tiếng Anh (chương trình quốc tế) và chương trình bằng tiếng Việt
	Tổng		58	

2.4. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào quy định của Chuẩn chương trình đào tạo. Tùy thuộc vào số lượng ứng viên và chỉ tiêu tuyển sinh từng ngành, ngưỡng đảm bảo chất lượng sẽ được Nhà trường công bố.

2.5. Hướng nghiên cứu đề xuất cho các ngành

Hướng nghiên cứu và giảng viên có thể hướng dẫn được thể hiện ở Bảng 11.

Bảng 11. Thống kê hướng nghiên cứu cho các ngành đào tạo tiến sĩ

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
I.	Nuôi trồng thủy sản		

1	Đánh giá chất lượng trứng, tinh trùng và ấu trùng của một số đối tượng cá biển thông qua việc cải thiện dinh dưỡng cá bố mẹ trong điều kiện mô phỏng biến đổi khí hậu	PGS.TS. Lê Minh Hoàng TS. Đinh Văn Khương TS. Ngô Văn Mạnh	2
2	Nghiên cứu ảnh hưởng kết hợp của nhiệt độ với các yếu tố sinh thái hoặc cải thiện dinh dưỡng lên miễn dịch trên một số đối tượng cá biển ở giai đoạn ấu trùng và con giống	PGS.TS. Lê Minh Hoàng TS. Đinh Văn Khương TS. Trần Văn Hích PGS.TS. Phạm Đức Hùng TS. Nguyễn Văn Minh	2
3	Nghiên cứu đặc điểm sinh học của một số đối tượng thủy sản có giá trị kinh tế	TS. Đỗ Hữu Hoàng (Viện Hải dương học) GS.TS Phạm Quốc Hùng	2
4	Nghiên cứu đánh giá hiệu quả sử dụng chế phẩm sinh học lên các đối tượng thủy sản	TS. Đỗ Hữu Hoàng (Viện Hải dương học) GS.TS Phạm Quốc Hùng	1
5	Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật trong sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá biển	PGS.TS. Phạm Đức Hùng TS. Ngô Văn Mạnh TS. Nguyễn Văn Minh	2
6	Nghiên cứu nhu cầu dinh dưỡng và thức ăn cho cá biển	PGS.TS. Phạm Đức Hùng PGS.TS. Lê Minh Hoàng TS. Ngô Văn Mạnh	1
II. Khai thác thủy sản			
1	Nghiên cứu cải tiến ngư cụ nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.	TS. Trần Đức Phú PGS.TS. Nguyễn Trọng Lương PGS.TS. Tô Văn Phương TS. Vũ Kế Nghiệp TS. Nguyễn Quốc Khánh	2
2	Nghiên cứu cải tiến công nghệ - kỹ thuật điều khiển đối tượng đánh bắt nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.	PGS.TS. Nguyễn Trọng Lương PGS.TS. Tô Văn Phương TS. Vũ Kế Nghiệp TS. Nguyễn Quốc Khánh TS. Nguyễn Y Vang	2
3	Nghiên cứu cơ giới hóa quá trình khai thác thủy sản.	TS. Trần Đức Phú PGS.TS. Nguyễn Trọng Lương TS. Vũ Kế Nghiệp TS. Nguyễn Quốc Khánh TS. Nguyễn Y Vang	2
4	Nghiên cứu kỹ thuật thăm dò đàn cá phục vụ hoạt động khai thác	TS. Trần Đức Phú TS. Nguyễn Lâm Anh TS. Nguyễn Quốc Khánh TS. Nguyễn Phong Hải TS. Nguyễn Y Vang	2
5	Nghiên cứu giải pháp quản lý đội tàu khai thác thủy sản	TS. Trần Đức Phú PGS.TS. Tô Văn Phương TS. Nguyễn Lâm Anh TS. Nguyễn Phong Hải TS. Nguyễn Y Vang	2

6	Nghiên cứu quy hoạch đội tàu khai thác thủy sản	TS. Trần Đức Phú PGS.TS. Tô Văn Phương TS. Nguyễn Lâm Anh 7TS. Nguyễn Quốc Khánh TS. Nguyễn Phong Hải TS Nguyễn Y Vang	2
7	Nghiên cứu, đánh giá trữ lượng đàn cá khai thác	TS. Trần Đức Phú TS. Nguyễn Lâm Anh TS. Nguyễn Quốc Khánh TS. Nguyễn Phong Hải TS. Nguyễn Y Vang	2
8	Nghiên cứu giải pháp khai thác bền vững nguồn lợi thủy sản	TS. Trần Đức Phú PGS.TS. Nguyễn Trọng Lương TS. Nguyễn Lâm Anh TS. Nguyễn Quốc Khánh TS. Nguyễn Phong Hải TS. Nguyễn Y Vang	2
9	Nghiên cứu giải pháp quản lý nguồn lợi thủy sản	TS. Trần Đức Phú TS. Nguyễn Lâm Anh TS. Nguyễn Quốc Khánh TS. Nguyễn Phong Hải TS. Nguyễn Y Vang	2
10	Nghiên cứu giải pháp quản lý hoạt động khai thác thủy sản	PGS.TS. Nguyễn Trọng Lương PGS.TS. Tô Văn Phương TS. Vũ Kế Nghiệp TS. Nguyễn Lâm Anh TS. Nguyễn Quốc Khánh	2
III. Kỹ thuật cơ khí động lực			
1	Vật liệu mới (công nghệ chế tạo, phương pháp tính...)	TS. Phạm Thanh Nhựt TS. Trần Doãn Hùng TS. Quách Hoài Nam TS. Đỗ Văn Tá TS. Dương Tử Tiên	3
2	Động cơ đốt trong (nâng cao tính năng, ma sát, hao mòn, Giám sát và Chẩn đoán...)	PGS. TS. Nguyễn Thanh Tuấn TS. Hồ Đức Tuấn TS. Vũ Thăng Long	3
3	Giảm thiểu ô nhiễm môi trường do khí thải động cơ ô tô, tàu thủy	PGS. TS. Nguyễn Thanh Tuấn TS. Hồ Đức Tuấn	3
4	Sử dụng các nguồn năng lượng mới, nhiên liệu thay thế, năng lượng tái tạo cho ô tô và tàu thủy	PGS. TS. Nguyễn Thanh Tuấn TS. Vũ Thăng Long TS. Hồ Đức Tuấn	3
5	Mô phỏng số động lực học ô tô, tàu thủy	PGS.TS. Nguyễn Văn Thuận PGS.TS. Nguyễn Thanh Tuấn PGS.TS. Đỗ Quang Thắng TS. Huỳnh Văn Vũ TS. Trương Đức Dũng	2
6	Độ bền và rung động tàu thủy, ô tô	TS. Huỳnh Văn Vũ PGS.TS. Đỗ Quang Thắng	3

		TS. Trương Đắc Dũng TS. Huỳnh Lê Hồng Thái	
7	Đảm bảo an toàn và tăng tuổi thọ của các lồng nuôi thủy sản trên biển bằng vật liệu mới	TS. Huỳnh Văn Vũ TS. Huỳnh Lê Hồng Thái	3
8	Nghiên cứu, thiết kế tối ưu độ bền kết cấu tuabin gió ngoài khơi dưới tác dụng của các tải trọng khác nhau	PGS.TS. Đỗ Quang Thắng TS. Huỳnh Văn Vũ TS. Trần Doãn Hùng	2
9	Nghiên cứu, thiết kế tối ưu độ bền kết cấu tàu ngầm dưới tác dụng của tải trọng nổ	PGS.TS. Đỗ Quang Thắng TS. Huỳnh Văn Vũ	2
10	Kỹ thuật tàu thủy (nâng cao tính năng, tối ưu hóa thiết kế, phương pháp số...)	TS. Phạm Thanh Nhựt TS. Huỳnh Lê Hồng Thái TS. Đỗ Văn Tá	2
11	Vật liệu mới (công nghệ chế tạo, phương pháp tính, ...)	TS. Phạm Thanh Nhựt TS. Trần Doãn Hùng TS. Quách Hoài Nam PGS. TS. Trần Hưng Trà TS. Đỗ Văn Tá TS. Dương Tử Tiên	4
12	Đảm bảo an toàn cho tàu đi biển, đánh giá độ bền, hư hỏng và phá hủy kết cấu công trình thủy	TS. Huỳnh Văn Vũ PGS.TS. Đỗ Quang Thắng TS. Phạm Thanh Nhựt TS. Trương Đắc Dũng	5
13	Phân tích, đánh giá độ tin cậy trong ngành Kỹ thuật tàu thủy	TS. Huỳnh Văn Vũ PGS.TS. Đỗ Quang Thắng TS. Trương Đắc Dũng	2
14	Mô phỏng số trong ngành Kỹ thuật tàu thủy	TS. Huỳnh Văn Vũ PGS.TS. Đỗ Quang Thắng TS. Trương Đắc Dũng	4
15	Độ bền và rung động tàu thủy	TS. Huỳnh Văn Vũ TS. Huỳnh Lê Hồng Thái PGS.TS. Đỗ Quang Thắng TS. Trương Đắc Dũng	3
16	Nghiên cứu, thiết kế tối ưu độ bền kết cấu cylinder ngoài khơi dưới tác dụng của tải trọng đâm va	PGS.TS. Đỗ Quang Thắng TS. Huỳnh Văn Vũ	2
IV. Công nghệ thực phẩm			
1	Nghiên cứu sản xuất chitosan hòa tan trong nước từ xương mực và ứng dụng trong bảo quản rau quả sau thu hoạch	GS.TS. Trang Sĩ Trung	1
2	Nghiên cứu thu nhận chế phẩm protein giàu carotenoid protein từ đầu tôm và ứng dụng vào thức ăn thủy sản	GS.TS. Trang Sĩ Trung	1
3	Nghiên cứu thu nhận các sản phẩm có hoạt chất sinh học từ rong biển	GS.TS. Trang Sĩ Trung	2

4	Nghiên cứu công nghệ chế biến một số sản phẩm từ cá đù	PGS. TS. Vũ Ngọc Bội	1
5	Nghiên cứu công nghệ chế biến một số sản phẩm thực phẩm chức năng từ nguồn nguyên liệu cá sụn (cá mập và cá đuối)	PGS. TS. Vũ Ngọc Bội	2
6	Nghiên cứu xây dựng mô hình biến đổi của lượng vi sinh vật hiếu khí và gây hỏng đặc trưng trên một số loài thủy sản kinh tế của Việt Nam và ứng dụng để quản lý chất lượng thủy sản trong chuỗi cung ứng lạnh/đông lạnh	PGS.TS. Mai Thị Tuyết Nga	1
7	Nghiên cứu đặc tính chức năng của sản phẩm thủy phân protein từ phụ phẩm thủy sản và ứng dụng sản phẩm thủy phân trong lĩnh vực thực phẩm	PGS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Hương	1
8	Nghiên cứu chế tạo và đặc tính của nano chitosan-ergothioneine để ứng dụng chống biến màu cơ thịt cá ngừ đại dương	PGS.TS. Huỳnh Nguyễn Duy Bảo	1
9	Nghiên cứu các hoạt chất sinh học thần kinh từ động vật và thực vật biển	TS. Nguyễn Bảo	2
10	Nghiên cứu các chất hỗ trợ giải độc do ngộ độc các độc tố thần kinh trong thực phẩm, thủy sản gây ra	TS. Nguyễn Bảo	1
11	Nghiên cứu sự biến động của histamine trong nước mắm truyền thống theo thời gian từ chế biến đến bảo quản	TS. Nguyễn Bảo	1
12	Nghiên cứu sự biến động của thành phần peptide mạch ngắn của nước mắm truyền thống theo thời gian từ chế biến đến bảo quản	TS. Nguyễn Bảo	1
13	Đánh giá hoạt tính sinh học của các hợp chất tự nhiên như chống oxy-hóa, kháng vi sinh vật, chống ung thư	PGS. TS. Nguyễn Văn Tặng	1
14	Tận dụng phụ phẩm trong nông nghiệp và chế biến thực phẩm để sản xuất sản phẩm giá trị gia tăng và phát triển thực phẩm chức năng	PGS. TS. Nguyễn Văn Tặng	1
15	Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sơ chế, bảo quản và chế biến nông sản thực phẩm và dược liệu	PGS. TS. Nguyễn Văn Tặng	1
16	Chiết tách các hợp chất tự nhiên có hoạt tính sinh học như phenolics, saponins, alkaloids, coumarins, ...	PGS. TS. Nguyễn Văn Tặng	1
17	Nghiên cứu thu nhận và ứng dụng protein thủy phân, lipid từ các đối tượng thủy sản (cá,	PGS.TS. Nguyễn Văn Minh PGS.TS. Nguyễn Thế Hân	1

	nhuyễn thể hai mảnh vỏ...) và nguyên liệu còn lại trong chế biến thủy sản	TS. Đặng Thị Thu Hương	
18	Nghiên cứu thu nhận các chất có hoạt tính sinh học từ các nguồn nguyên liệu biển (rong biển, cỏ biển,...)	PGS.TS. Nguyễn Thế Hân PGS.TS. Nguyễn Văn Minh	2
19	Tận dụng phụ phẩm rong nho trong thu hoạch và chế biến để sản xuất các sản phẩm giá trị gia tăng	TS. Lê Thị Tường	1
V. Quản trị kinh doanh			
1	Quản trị chiến lược và kinh doanh	PGS.TS. Lê Kim Long PGS.TS. Lê Chí Công TS. Nguyễn Ngọc Duy PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh	4
2	Cạnh tranh và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp	PGS.TS. Lê Kim Long TS. Nguyễn Văn Ngọc TS. Nguyễn Ngọc Duy PGS.TS. Lê Chí Công PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh	4
3	BCS/KPI	TS. Nguyễn Văn Ngọc TS. Phan Thị Xuân Hương PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh PGS.TS. Đỗ Thị Thanh Vinh	4
4	Nghiên cứu về tính cách, thái độ, động lực của người lao động và lãnh đạo, sử dụng quyền lực trong các tổ chức	TS. Hà Việt Hùng	2
5	Quản trị thương hiệu	PGS.TS. Hồ Huy Tựu TS. Trần Thị Ái Cẩm TS. Nguyễn Thị Nga	4
6	Quản trị dịch vụ	PGS.TS. Lê Chí Công	1
7	Quản trị kinh doanh quốc tế	PGS.TS. Nguyễn Thị Trâm Anh TS. Nguyễn Thị Nga TS. Nguyễn Thị Hồng Đào PGS.TS. Đỗ Thị Thanh Vinh	3
8	Thương mại điện tử	PGS.TS. Nguyễn Thị Trâm Anh PGS.TS. Nguyễn Hữu Khôi TS. Nguyễn Thị Nga	3
9	Quản trị các hoạt động chuyên môn trong tổ chức (Quản trị marketing, quản trị sản xuất, quản trị tài chính, R&D, ...)	PGS.TS. Hồ Huy Tựu PGS. TS. Lê Kim Long TS. Nguyễn Tiến Thông PGS.TS. Quách Thị Khánh Ngọc PGS.TS. Nguyễn Thành Cường TS. Nguyễn Văn Ngọc TS. Nguyễn Ngọc Duy PGS.TS. Đỗ Thị Thanh Vinh	6
10	Nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động đổi mới sáng tạo, hành vi công	TS. Hà Việt Hùng	2

	dân trong tổ chức, bốn phận, hoàn thành công việc của người lao động trong các tổ chức		
11	Logistic. quản trị chuỗi cung ứng và các tác nhân trong chuỗi cung ứng	PGS.TS. Nguyễn Thị Trâm Anh TS. Võ Văn Diễm TS. Nguyễn Văn Ngọc TS. Nguyễn Ngọc Duy TS. Nguyễn Thị Nga	6
12	Rủi ro và quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh	PGS.TS. Nguyễn Thị Trâm Anh TS. Võ Văn Cần TS. Nguyễn Thị Hồng Đào TS. Phạm Thế Anh	5
13	Ra quyết định quản trị trong hoạt động kinh doanh	TS. Nguyễn Văn Ngọc	1
14	Nghiên cứu về động cơ/ thái độ/ ý định/ hành vi người tiêu dùng	PGS.TS. Hồ Huy Tựu TS. Nguyễn Tiến Thông PGS.TS. Nguyễn Hữu Khôi	3
15	Đầu tư mạo hiểm trong kinh doanh	PGS.TS. Nguyễn Thành Cường TS. Nguyễn Thị Hiền	2
16	Nghiên cứu hiệu quả và năng suất trong sản xuất kinh doanh	PGS.TS. Lê Kim Long TS. Nguyễn Ngọc Duy	2
17	Trải nghiệm người tiêu dùng và hành vi trong bối cảnh dịch vụ du lịch và lưu trú	PGS.TS. Nguyễn Hữu Khôi PGS. TS. Lê Chí Công TS. Nguyễn Thị Nga	3
18	Quá trình trao đổi giá trị giữa người tiêu dùng và doanh nghiệp trong các kênh bán hàng trực tuyến và ngoại tuyến	PGS.TS. Nguyễn Hữu Khôi PGS. TS. Hồ Huy Tựu TS. Nguyễn Thị Nga	3
19	Đồng tạo lập giá trị, trải nghiệm, và kết quả tích cực cho doanh nghiệp trong bối cảnh tiêu dùng	PGS.TS. Nguyễn Hữu Khôi PGS. TS. Hồ Huy Tựu TS. Nguyễn Thị Nga	2
20	Quản trị nguồn nhân lực/Phát triển nguồn nhân lực trong tổ chức	TS. Phạm Thế Anh TS. Nguyễn Thị Hồng Đào	3
VI. Kỹ thuật cơ khí			
1	Thiết kế, chế tạo, bảo trì máy và thiết bị cơ khí; máy và thiết bị nhiệt lạnh; đặc biệt là máy và thiết bị cho ngành thủy sản	PGS.TS. Nguyễn Văn Tường TS. Ngô Quang Trọng TS. Nguyễn Hữu Thật TS. Nguyễn Hữu Nghĩa TS. Lê Như Chính TS. Nguyễn Thiên Chương	3
2	Kỹ thuật gia công kim loại tiên tiến để chế tạo máy và thiết bị cơ khí	PGS.TS. Nguyễn Văn Tường PGS.TS. Trần Hưng Trà PGS. TS. Dương Đình Hảo TS. Lê Nguyên Anh Vũ TS. Vũ Ngọc Chiên	3
3	Tối ưu hóa các thông số công nghệ trong lĩnh	PGS.TS. Đặng Xuân Phương TS. Nguyễn Hữu Thật	3

	vực cơ khí	TS. Lê Như Chính	
4	Vật liệu tiên tiến ứng dụng trong lĩnh vực cơ khí	PGS.TS. Trần Hưng Trà TS. Trần Doãn Hùng TS. Nguyễn Thắng Xiêm TS. Trần Thị Bảo Tiên TS. Vũ Thị Nhài TS. Nguyễn Văn Quyết	3
VII. Kinh tế và Quản lý tài nguyên biển			
1	Các giải pháp quản lý bền vững đối với tài nguyên ven biển bao gồm nghề cá, nuôi trồng thủy sản, bảo tồn tài nguyên biển	GS. TS. Claire W. Armstrong GS. TS. Akhmad Fauzi TS. Godwin Kofi Vondolia PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh PGS.TS. Lê Kim Long TS. Nguyễn Ngọc Duy PGS.TS. Quách Thị Khánh Ngọc PGS.TS. Phạm Hồng Mạnh TS. Nguyễn Văn Ngọc TS. Bùi Bích Xuân	7
2	Các ưu đãi, các vấn đề về quyền sở hữu và phân phối thu nhập, thích ứng với biến đổi khí hậu	GS. TS. Claire W. Armstrong GS. TS. Akhmad Fauzi TS. Godwin Kofi Vondolia PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh PGS.TS. Lê Kim Long TS. Nguyễn Ngọc Duy PGS.TS. Quách Thị Khánh Ngọc PGS.TS. Phạm Hồng Mạnh TS. Bùi Bích Xuân	6
3	Nghiên cứu về mâu thuẫn và giải quyết mâu thuẫn giữa các bên liên quan trong khai thác và sử dụng tài nguyên biển	GS. TS. Claire W. Armstrong GS. TS. Akhmad Fauzi TS. Godwin Kofi Vondolia PGS. TS. Nguyễn Thị Kim Anh PGS.TS. Lê Kim Long TS. Nguyễn Ngọc Duy PGS.TS. Quách Thị Khánh Ngọc PGS.TS. Phạm Hồng Mạnh TS. Bùi Bích Xuân	6
4	Nghiên cứu chất lượng cuộc sống và đời sống cư dân biển đảo (ngư dân, hộ nuôi, người lao động liên quan)	PGS.TS. Hồ Huy Tựu PGS.TS. Phạm Hồng Mạnh TS. Nguyễn Văn Ngọc	3
5	Nghiên cứu khả năng tiếp cận tín dụng và mức độ vay vốn của các hộ nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản	TS. Nguyễn Ngọc Duy PGS.TS. Phạm Hồng Mạnh	2
6	Nghiên cứu hành vi tiêu dùng thủy sản/thực phẩm bền vững	PGS.TS. Hồ Huy Tựu PGS.TS. Nguyễn Thị Trâm Anh PGS.TS. Nguyễn Hữu Khôi	3
7	Nghiên cứu xây dựng chuỗi cung thủy sản	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh PGS.TS. Nguyễn Thị Trâm Anh	3

	bền vững	TS. Nguyễn Ngọc Duy	
8	Nghiên cứu ý định và hành vi liên kết chuỗi sản phẩm thủy sản	PGS.TS. Hồ Huy Tựu TS. Nguyễn Ngọc Duy TS. Nguyễn Văn Ngọc TS. Nguyễn Thị Nga	4
9	Nghiên cứu hành vi bảo vệ môi trường biển của du khách, dân cư ven biển	PGS.TS. Quách Thị Khánh Ngọc PGS.TS. Hồ Huy Tựu PGS.TS. Lê Chí Công TS. Bùi Bích Xuân	4
10	Nghiên cứu đề xuất chính sách đảm bảo sự ổn định, an toàn và nâng cao hiệu quả sản xuất của hộ nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh PGS.TS. Nguyễn Thị Trâm Anh PGS.TS. Lê Kim Long TS. Nguyễn Ngọc Duy PGS.TS. Quách Thị Khánh Ngọc TS. Bùi Bích Xuân	6
11	Trao quyền cho phụ nữ (trong khai thác và nuôi trồng thủy sản): Sự tham gia của phụ nữ/Tham gia quản lý khai thác và nuôi trồng thủy sản	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh TS. Nguyễn Ngọc Duy PGS.TS. Quách Thị Khánh Ngọc PGS.TS. Nguyễn Thị Trâm Anh TS. Bùi Bích Xuân TS. Nguyễn Thị Hồng Đào	6
12	Kinh tế và quản lý nguồn lợi đa loài	PGS.TS. Lê Kim Long TS. Nguyễn Ngọc Duy PGS.TS. Quách Thị Khánh Ngọc TS. Bùi Bích Xuân TS. Phạm Thị Thanh Thủy	5
13	Nghiên cứu về rủi ro và quản lý rủi ro trong khai thác và nuôi trồng thủy sản	TS. Nguyễn Ngọc Duy PGS.TS. Lê Kim Long TS. Nguyễn Thị Hồng Đào	3
VIII. Công nghệ sinh học			
1	Công nghệ sinh học thực phẩm	TS. Ngô Thị Hoài Dương TS. Phạm Thị Minh Thu TS. Phạm Thị Minh Hải TS. Nguyễn Thị Như Thương PGS. TS. Vũ Ngọc Bội	4
2	Công nghệ vi sinh vật, công nghệ probiotic, pharmabiotic trong thực phẩm, thủy sản, y dược	PGS.TS. Nguyễn Văn Duy TS. Phạm Thu Thủy TS. Ngô Thị Hoài Dương TS. Phạm Thị Minh Hải TS. Nguyễn Thị Như Thương TS. Lê Phương Chung TS. Nguyễn Thị Anh Thư TS. Vũ Đặng Hạ Quyên	4
3	Công nghệ sinh học trong chế biến thủy sản	GS.TS. Trang Sĩ Trung PGS.TS. Ngô Đăng Nghĩa TS. Khổng Trung Thắng TS. Ngô Thị Hoài Dương TS. Lê Phương Chung	4

4	Tách chiết các hoạt chất sinh học biển; Vật liệu sinh học biển	PGS.TS. Ngô Đăng Nghĩa PGS.TS. Huỳnh Nguyễn Duy Bảo PGS.TS. Nguyễn Thế Hân TS. Đỗ Lê Hữu Nam TS. Nguyễn Bảo	4
5	Đa dạng, bảo tồn sinh học biển, sinh thái học và biến đổi khí hậu	GS.TS. Nguyễn Ngọc Lâm PGS.TS. Đoàn Như Hải PGS.TS. Đặng Thuý Bình TS. Đinh Văn Khương TS. Phạm Thu Thủy TS. Nguyễn Thị Hải Thanh TS. Vũ Đặng Hạ Quyên GS. Kent Carpenter (ODU) GS. Henrik Glenner (ĐH Bergen) PGS. TS. Nguyễn Văn Long (Viện Hải Dương học)	4
6	Công nghệ sinh học trong nuôi trồng thủy sản; Bệnh học thủy sản	PGS.TS. Đặng Thuý Bình PGS.TS. Nguyễn Văn Duy TS. Nguyễn Thị Anh Thư TS. Phạm Thị Minh Hải TS. Nguyễn Thị Hải Thanh PGS.TS. Vũ Khắc Hùng TS. Nguyễn Đức Tân TS. Trần Vũ Hích	4
7	Công nghệ sinh học thực vật và tảo biển	TS. Phạm Thị Minh Thu TS. Phạm Ngọc Minh Quỳnh GS.TS. Nguyễn Ngọc Lâm GS.TS. Đoàn Như Hải	4
8	Công nghệ sinh học trong lĩnh vực thú y, vắc xin thú y	PGS.TS. Vũ Khắc Hùng TS. Nguyễn Đức Tân TS. Trần Vũ Hích	4
9	Công nghệ sinh học trong y dược, sản xuất vắc xin cho người	PGS.TS. Lê Văn Bé PGS.TS. Nguyễn Thị Lan Phương TS. Dương Hữu Thái PGS.TS. Nguyễn Văn Duy TS. Trần Vũ Hích TS. Nguyễn Thành Long	4

Tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh:

Đáp ứng quy định tại Điều 40 của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Nha Trang (Quyết định số 770/QĐ-ĐHNT, ngày 04/07/2022) như sau:

1. Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn phụ và người hướng dẫn độc lập NCS phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại Điều 39 của Quy chế đào tạo tiến sĩ của Trường Đại học Nha Trang.

2. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn NCS, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a) Là tác giả chính (tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ) của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả); hoặc

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế;

3. Mỗi NCS có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có ít nhất 01 người là cán bộ cơ hữu của cơ sở đào tạo hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với cơ sở đào tạo theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ trọn thời gian tại cơ sở đào tạo với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của NCS.

2.6. Tổ chức tuyển sinh

- Số lần tuyển sinh chính thức trong năm: 02.
- Thời gian xét tuyển: Tháng 3; Tháng 9;
- Căn cứ vào điều kiện thực tế tuyển sinh, Nhà trường có thể bổ sung đợt tuyển sinh phụ (đợt 3) vào tháng 12.
- Mẫu hồ sơ, danh mục hướng nghiên cứu nhận nghiên cứu sinh và các thông tin khác được đăng tại địa chỉ: <https://pdtsaudaihoc.ntu.edu.vn/Tuyen-sinh/Thong-bao-tuyen-sinh-tien-si>;
- Địa chỉ liên hệ, nộp hồ sơ và lệ phí xét tuyển: Phòng Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Nha Trang, 02 Nguyễn Đình Chiểu, Tp. Nha Trang, ĐT: 0258.6262966

2.7. Học phí và các chính sách hỗ trợ người học

- Học phí:

Khối ngành III (Kinh doanh và quản lý): 35.250.000đ/năm

Khối ngành IV (khoa học sự sống): 38.000.000đ/năm

Khối ngành V (Kỹ thuật, Nông lâm và thủy sản): 41.000.000đ/năm

(NCS học chương trình đào tạo bằng tiếng Anh thì nộp học phí gấp 02 lần chương trình tiếng Việt)

- **Chính sách hỗ trợ đi dự hội thảo quốc tế, nghiên cứu, giao lưu, trao đổi tại nước ngoài:** theo Thông báo số 09/TB-ĐHNT ngày 09/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang thông báo về việc hỗ trợ giảng viên, nghiên cứu viên, sinh viên, học viên đi dự hội thảo nghiên cứu, giao lưu tại nước ngoài.

- Chính sách hỗ trợ NCS thực hiện nghiên cứu khoa học:

a) Nhà trường tạo các điều kiện thuận lợi để nghiên cứu sinh tham gia nghiên cứu khoa học, được ưu tiên đối với việc sử dụng các trang thiết bị và cơ sở vật chất của Nhà trường phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu.

b) Nghiên cứu sinh được tạo điều kiện tham gia, chủ nhiệm các nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp và các hoạt động khoa học công nghệ của Trường.

- Chính sách trợ giảng, đồng giảng, thỉnh giảng: Nghiên cứu sinh được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia trợ giảng, thỉnh giảng hoặc đồng giảng và được hưởng chế độ khi đáp ứng tiêu chuẩn giảng dạy trình độ đại học hoặc đáp ứng các quy định tại Quyết định số 242/QĐ-ĐHNT ngày 22/2/2024 về việc ban hành Quy định về công tác thỉnh giảng, trợ giảng và đồng giảng tại Trường Đại học Nha Trang.

- Chính sách hỗ trợ của Nhà nước theo Đề án 89: (Quyết định số 89/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030) đối với các ngành Nhà trường được đào tạo theo Đề án 89.

HIỆU TRƯỞNG